

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	7.4%	170.1%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	22.1%	-	-5.6%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	11.1%	-	19.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	9.8%	176.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	6.5%	-	25.5%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	2.8%	37.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	36.6%	56.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	121.6%	148.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	11.0%	79.4%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	43.9%	152.5%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	18.5%	-	117.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	26.3%	60.5%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	36.2%	76.0%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	8.6%	78.8%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	-	21.6%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	8.7%	-	33.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-3.2%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	8.0%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	0.7%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	25.6%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	64.3%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	16.2%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	110.5%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	173.1%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	22.0%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-13.5%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	89.2%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	5.7%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	26.7%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	11.3%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	70.6%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	142.8%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	35.4%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	186.1%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	28.6%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	38.0%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	4.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-3.1%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	7.6%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	56.1%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	3.7%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	189.8%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	10.2%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	33.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	46.8%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	47.1%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	66.2%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	41.1%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	27.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	134.8%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	125.6%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	338.2%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	224.5%

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường dao động quanh tham chiếu trong phần lớn thời gian buổi sáng trước khi bắt đầu suy yếu về trưa, và đến chiều thì rơi mạnh, lực cầu bắt đáy giúp biên độ giảm được thu hẹp một chút khi đóng cửa.

Tương quan tăng giảm nghiêng hoàn toàn về phía giảm với số lượng mã giảm áp đảo trên toàn thị trường.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 06/12/2021: (1) Biên độ dao động lớn, mở cửa gần tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn nhiều so với mở cửa và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước một chút và cao hơn trung bình.

- ⇒ Lực bán mạnh trên hầu như toàn bộ thị trường khiến VNINDEX giảm sâu, dù vậy thì diễn biến của các cổ phiếu vốn hóa lớn đại diện bởi VN30 vẫn là tích cực nhất, điều này không ngoài những nhận định gần đây của chúng tôi. Lực mua bắt đáy xuất hiện mạnh mẽ khi thị trường quay về vùng hỗ trợ mạnh 1,400 cũng là điều không có gì bất ngờ. Kích bản cơ sở lúc này là các cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vừa sẽ tiếp tục chịu áp lực, trong khi các cổ phiếu vốn hóa lớn sẽ đóng vai trò hỗ trợ.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

Công ty Cổ phần SAM Holdings – SAM VN

HĐQT SAM Holdings (HoSE: SAM) vừa thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021 với giá trị 250 tỷ đồng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba, hoặc các tài sản khác.

Kỳ hạn trái phiếu 12 tháng, lãi suất cố định 10,5% được trả 6 tháng/lần. Thời gian phát hành dự kiến 8/12 hoặc một ngày khác nhưng không sớm hơn 1 ngày làm việc sau ngày công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

CTCP Masan MEATLife– MML VN

Masan MEATLife dự chi hơn 1.600 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 49%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16/12 và ngày thanh toán là ngày 24/12.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt- VCI VN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC, mã VCI) vừa thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021. Cụ thể, đơn vị này sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%, tương đương sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng. Thời gian chốt danh sách vào 20/12 và thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 29/12.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
L40	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021	7/12/2021	8/12/2021	7/12/2021
VNL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (700 đ/cp)	7/12/2021	8/12/2021	24/12/2021
CRC	HSX	Giao dịch 15.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)		29/11/2021	7/12/2021
CTP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	7/12/2021	8/12/2021	7/12/2021
RTB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	7/12/2021	8/12/2021	20/12/2021
SIP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800đ/cp)	7/12/2021	8/12/2021	17/12/2021
BSA	Upcom	Giao dịch 3.000.781 cổ phiếu niêm yết bổ sung	7/12/2021	7/12/2021	7/12/2021
VSH	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021			7/12/2021
SHA	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:5)	7/12/2021	8/12/2021	7/12/2021
VMD	HSX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	7/12/2021	8/12/2021	7/12/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu. Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

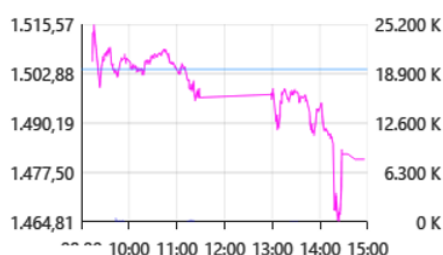
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,413.58	-2.06%	-29.74	1,038.16	31,386.7	54	34	420
Vn30 - Index	1,480.92	-1.53%	-23.06	268.28	12,456.0	5	3	22
Vn - Mid	1,928.66	-3.92%	-78.79	335.69	10,825.7	6	1	63
VN - Small	1,962.08	-3.64%	-74.07	248.32	4,570.2	21	6	164
HNX - Index	437.12	-2.71%	-12.15	117.48	3,005.8	32	83	224
Upcom - Index	109.19	-2.61%	-2.92	96.74	2,034.4	75	50	288

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

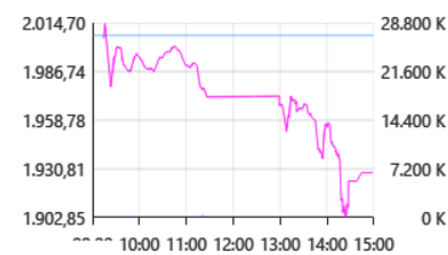
VN-INDEX



VN30



VN-MID



VN-SMALL



HNX-INDEX



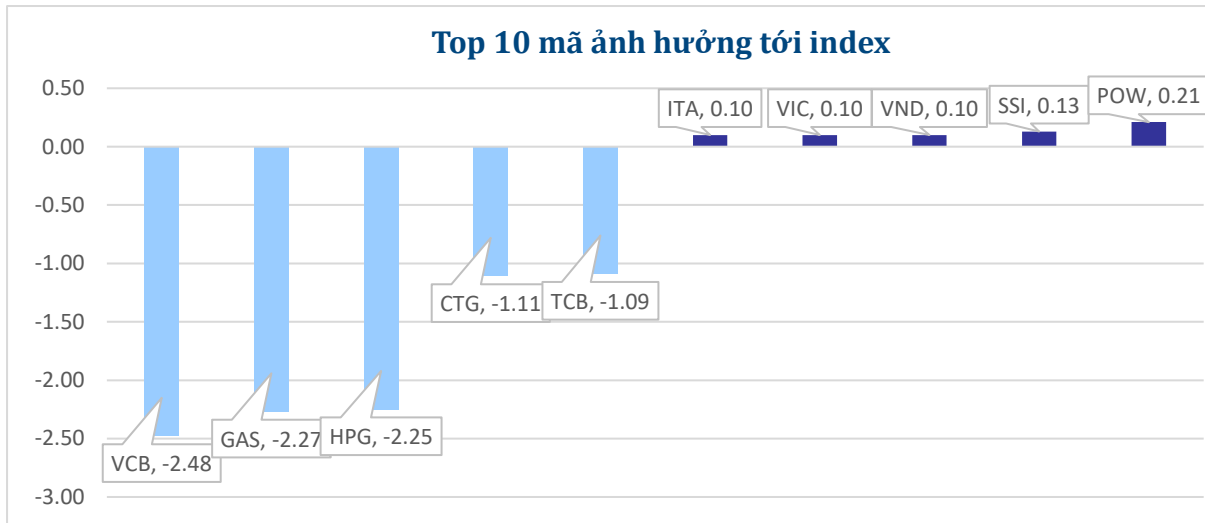
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

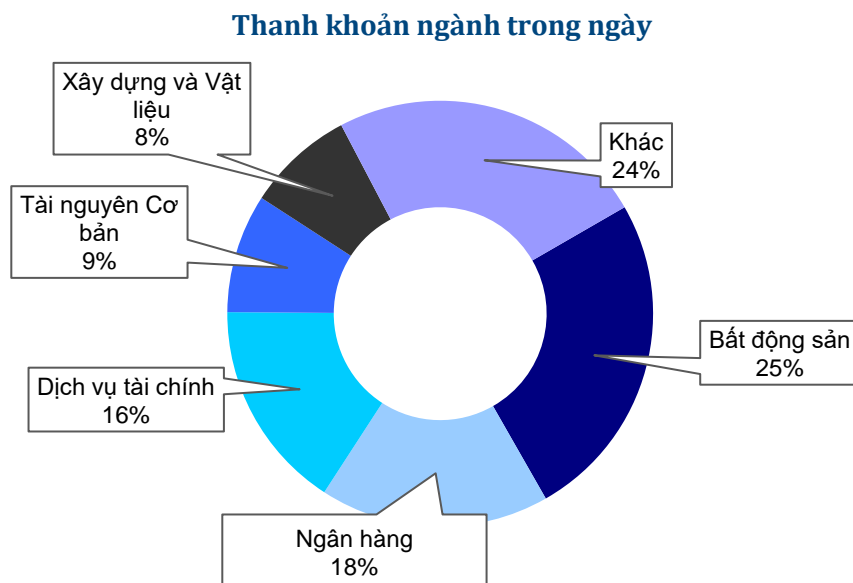
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	31,386.70	-4.50%	1,038.16	-5.30%
HNX	3,005.80	-24.77%	117.48	-23.64%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



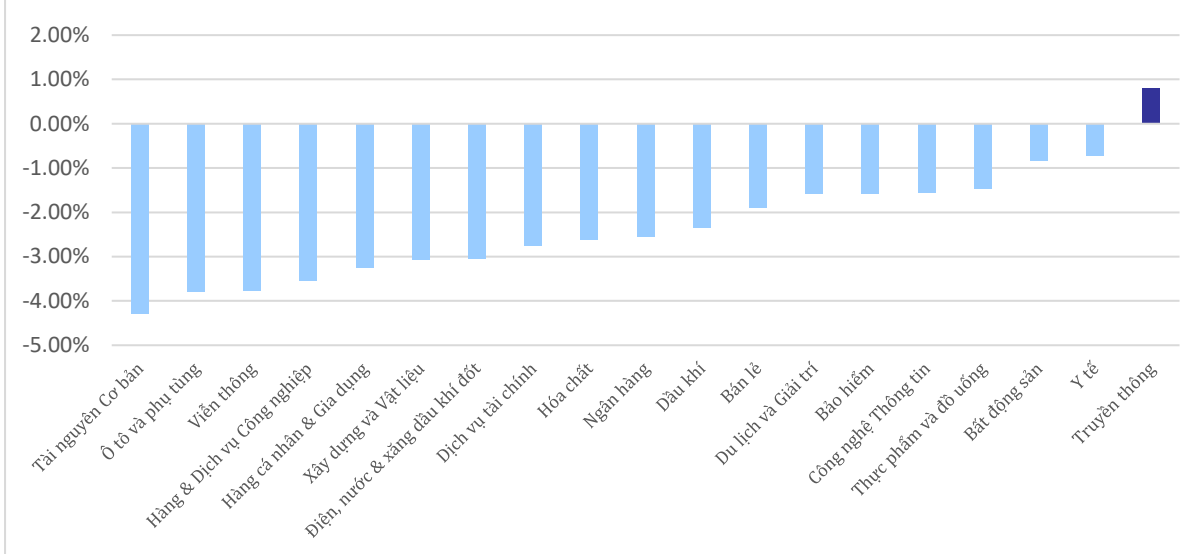
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
ROS	46.53	HPG	1,615.4	PTL	225%	TIG	9.9%	APS	-10.0%
HPG	34.63	SSI	1,593.6	BMI	211%	PTL	6.8%	CEO	-9.9%
SSI	31.27	TCB	1,138.8	TIG	202%	FCN	6.7%	IDJ	-9.9%
HAG	27.81	VPB	752.2	IDJ	201%	CRE	4.2%	GEX	-7.0%
ITA	27.06	STB	727.7	MIG	191%	ITA	3.1%	APH	-6.9%

NHÓM NGÀNH





Biến động các nhóm ngành trong ngày

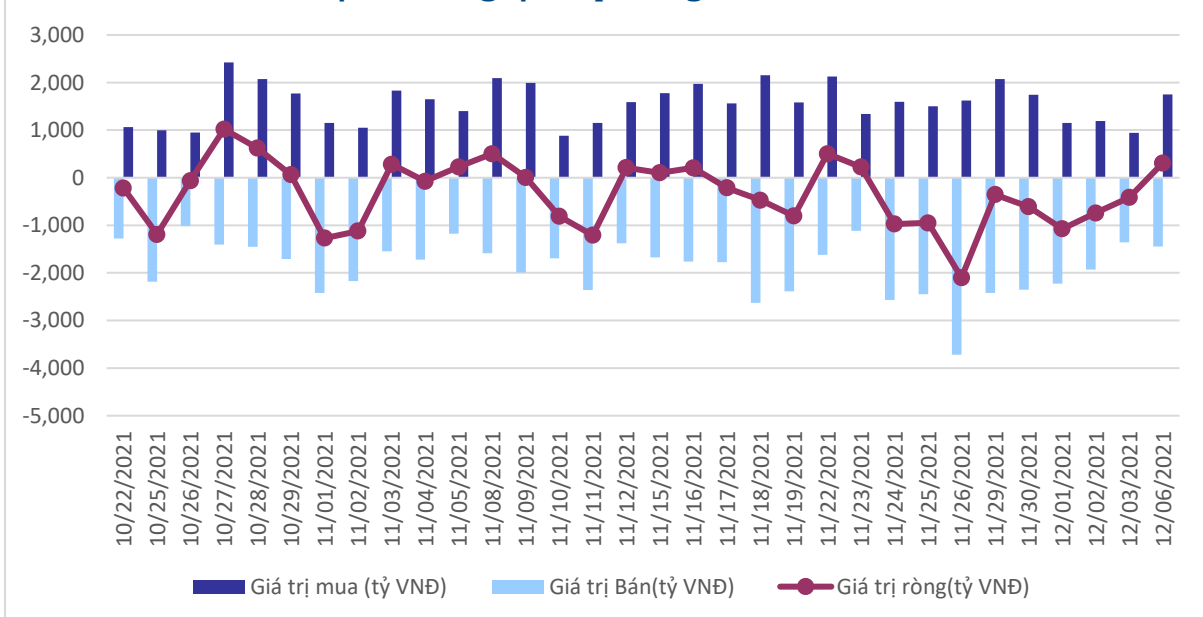


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 308.83 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 3.11 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHM	176.92	DXG	64.54
SSI	128.31	HDB	46.47
VNM	76.01	VIC	40.66
VND	44.44	MSN	36.47
BVH	31.65	TPB	28.89

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.gtjai.com.vn		